

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 30-3-2021

Về việc “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Hương.

2. Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc O; sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 711/1 ấp 1, xã B, huyện T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Minh T; sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh L.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Bà và ông Đặng Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L vào năm 2006. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống,

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho bà cảm thấy rất ngột ngạt trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn được. Bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đặng Minh T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà O. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đặng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Ngọc O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Đặng Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà O và ông T có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy hôn nhân giữa bà O và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài. Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O. Đương sự phải nộp án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc O nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Đặng Minh T có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Bà O và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình (năm 2014).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Đặng Minh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh L vào năm 2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà O xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông T không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bà O và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Ông T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, được tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông T đã biết được việc bà O yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà O và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bản thân bà O xác định đã không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2000).

Về con chung: bà O và ông T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm khi ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2000); Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc O và ông Đặng Minh T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số **0004958** ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan